

**Họ, tên thí sinh:** .....

**Số báo danh:** .....

*Read the following advertisement and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 1 to 6.*

## PERSONAL DEVELOPMENT

The term ‘personal development’ is often connected (1)\_\_\_\_\_ activities like dieting or exercise, or perhaps learning a (2)\_\_\_\_\_. But while these things are undoubtedly important, there are many other worthwhile skills (3)\_\_\_\_\_. Academic or cognitive skills such as critical thinking, memorisation and creativity are important, as are social and emotional skills like friendliness, positive thinking and self-esteem. Other skills not to be neglected include self-control, (4)\_\_\_\_\_ time and finding a (5)\_\_\_\_\_ life.



The important thing is to take a 'holistic approach' to personal development, meaning you should aim (6)\_\_\_\_\_ yourself as a whole person rather than focusing on one aspect of yourself at the expense of the others.

(Adapted from *C21 Smart*)

**Question 1:** A. with

### B. for

### C. on

### D. in

Cụm từ/thuật ngữ "phát triển cá nhân" thường liên quan đến các hoạt động như ăn kiêng hoặc tập thể dục.

**BE CONNECTED WITH =CÓ LIÊN QUAN ĐẾN, ĐƯỢC LIÊN KẾT VỚI**

Ví du: Her job is connected with environmental protection.

(Công việc của cô ấy có liên quan đến việc bảo vệ môi trường.)

**Question 2:** A. new computer program

### B. new program computer

C. computer new program

**D.** program new computer

## TÍNH TỪ + DANH TỪ

Ta có: new (mới) là tính từ

computer program ( chương trình máy tính) là cụm danh từ

**Question 3: A.** are overlooked

### B. which overlook

### C. overlooking

### D. overlooked

+ Ta cần một đại từ quan hệ để thay cho danh từ “other worthwhile skills” (những kỹ năng đáng giá khác)

+ “overlook” = bỏ qua, phớt lờ. “overlook” khi chia với danh từ “skills” cần ý nghĩa bị động (TOBE + VED/3)

+ Mệnh đề quan hệ có thể được giản lược bằng 2 trường hợp cơ bản: chủ động ( V-ing), bị động (Ved/3)

**Question 4: A. exchanging**

### B. managing

### C. encouraging

### D. avoiding

Ta có: A. exchanging – trao đổi

## B. managing – quản lý

C. encouraging – khuyến khích

D. avoiding – tránh

## MANAGE TIME = QUẢN LÝ THỜI GIAN

**Question 5: A.** satisfyingly

### B. satisfy

### C. satisfied

#### D. satisfying

+ Ta có: mạo từ + danh từ, mà sau khoảng trống đã có danh từ nên TÍNH TỪ + DANH TỪ  
 + Các phương án có: A-trạng từ B-động từ C-tính từ D-tính từ  
 + Phân biệt tính từ chỉ thái độ:  
 ADJ-ed: Dùng để mô tả **cảm giác hoặc trạng thái của người hoặc vật** do tác động từ bên ngoài.  
 ADJ-ing: Dùng để mô tả **tính chất, bản chất của người, sự việc, hoặc sự vật** gây ra cảm giác.

**Question 6:** A. develop B. to developing C. developing D. to develop

**AIM (CÓ MỤC ĐÍCH, NHẪM TỚI) + TO VO**

*Read the following leaflet and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 7 to 12.*

### TEENAGE STRESS – FREQUENTLY ASKED QUESTIONS

Stress is something that everybody feels at times – adults, teenagers, and kids. There is good stress, stress that helps you to react in a difficult situation. More often stress is a (7)\_\_\_\_\_ feeling, a feeling that stops you being happy or relaxed. But it's always important to remember that stress is just a normal part of life. People react to stress in different ways. Some people are sad and others feel angry. Some people have difficulties with sleeping. (8)\_\_\_\_\_ change their attitude to food because of stress. Stress can also make it difficult for some people to (9)\_\_\_\_\_. There are many different things that can stress teenagers. Sometimes it can be just the (10)\_\_\_\_\_ things that happen every day. (11)\_\_\_\_\_, homework or exams can cause stress. Or maybe you have a pet and your pet is sick. Problems with friends or parents or other family members are another possible cause. Perhaps they want you to do something but you don't want to do it, for example. The good news is that stress is completely normal and it's not permanent. And there are lots of things you can do to (12)\_\_\_\_\_ stress.

(Adapted from *Move on*)

**Question 7:** A. positive B. relative C. negative D. effective

+ Ta có: A-tích cực B-tương đối C-tiêu cực D-hiệu quả  
 + More often stress is a **negative** feeling, a feeling that stops you being happy or relaxed *Thường thì căng thẳng là một cảm giác tiêu cực, một cảm giác khiến bạn không thể vui vẻ hoặc thư giãn.*

**Question 8:** A. Other B. Others C. Another D. The others

+ Ta có:

<b>Other</b> <b>Cách dùng:</b> "Other" được dùng như một tính từ, nghĩa là "khác". <b>Vị trí:</b> Đứng trước danh từ đếm được số nhiều hoặc danh từ không đếm được.	<b>Others</b> <b>Cách dùng:</b> "Others" là đại từ, nghĩa là "những cái khác" hoặc "những người khác", khi ta không cần nhắc lại danh từ phía sau. <b>Vị trí:</b> Đứng một mình mà không đi kèm với danh từ.
<b>Another</b> <b>Cách dùng:</b> "Another" là một tính từ, nghĩa là "một cái khác" hoặc "một người khác". <b>Vị trí:</b> Đứng trước danh từ số ít hoặc khi ám chỉ một cái/người khác.	<b>The others</b> <b>Cách dùng:</b> "The others" là một đại từ, nghĩa là "những cái còn lại" hoặc "những người còn lại" khi muốn nói đến những cái/người đã được xác định trước. <b>Vị trí:</b> Đứng một mình mà không đi kèm với danh từ.

+ Some people have difficulties with sleeping. Others change their attitude to food because of stress.



Một số người gặp khó khăn trong việc ngủ. **"Others"** (Những người khác) thì thay đổi thái độ với thức ăn do căng thẳng.

--> **"Others"** là đại từ đại diện cho "những người khác" mà không cần nhắc lại danh từ **"people"** đã đề cập trong câu trước.

**Question 9:** A. imagine                      B. introduce                      C. recognize                      **D. concentrate**

+ Ta có: A-tưởng tượng                      B-giới thiệu                      C-nhận ra                      D-tập trung

+ Stress can also make it difficult for some people to **concentrate**.

Căng thẳng cũng có thể khiến một số người gặp khó khăn trong việc **tập trung**.

**Question 10:** A. regular                      **B. ordinary**                      C. common                      D. typical

+ Ta có: A-đều đặn                      B-bình thường                      C-phổ biến                      D-điển hình

+ Sometimes it can be just the **ordinary** things that happen every day.

Đôi khi, đó chỉ là những điều **bình thường** xảy ra mỗi ngày.

**Question 11:** A. In short                      **B. For example**                      C. In particular                      D. Such as

+ Ta có:

-**In short**: dùng để tóm tắt hoặc đưa ra kết luận ngắn gọn cho những gì đã nói trước đó.

-**For example**: dùng để đưa ra ví dụ minh họa cho điều vừa được đề cập, đứng đầu hoặc giữa câu, và **thường được tách ra bằng dấu phẩy**.

-**In particular**: dùng để nhấn mạnh hoặc chỉ ra điều cụ thể nào đó trong một nhóm.

-**Such as**: dùng liệt kê các ví dụ đi cùng với danh từ được nhắc đến ngay trước đó, thường được sử dụng tương tự "for example" nhưng **không tách ra bằng dấu phẩy**.

Sometimes it can be just the ordinary things that happen every day. **For example**, homework or exams can cause stress. Or maybe you have a pet and your pet is sick.

Đôi khi, đó chỉ là những điều bình thường xảy ra hàng ngày. **Ví dụ**, bài tập về nhà hoặc các kỳ thi có thể gây căng thẳng. Hoặc có thể bạn nuôi một con vật cưng và nó bị ốm.

**Question 12:** **A. deal with**                      B. put off                      C. make up                      D. take over

+ Ta có:

**A. deal with** – xử lý, giải quyết, đối phó

**B. put off** – hoãn lại

**C. make up** – bịa ra, tạo ra; hoặc làm hòa

**D. take over** – tiếp quản, đảm nhận

+ *Tin tốt là căng thẳng hoàn toàn bình thường và không phải là vĩnh viễn. Có rất nhiều điều bạn có thể làm để **đối phó** với căng thẳng.*

**Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best arrangement of utterances or sentences to make a meaningful exchange or text in each of the following questions from 13 to 17.**

**Question 13:** a. Mai: Thanks, Lan! I've been taking some yoga classes recently.  
b. Lan: That's great! Yoga sounds interesting.  
c. Lan: Hello, Mai! It's been a while. You look amazing!

(Adapted from *Global Success*)

**A. c – a – b**                      **B. b – c – a**                      **C. a – b – c**                      **D. a – c – b**

Lan: Chào Mai! Lâu rồi không gặp. Bạn trông thật tuyệt!

Mai: Cảm ơn, Lan! Gần đây mình có tham gia một số lớp yoga.

Lan: Thật tuyệt! Yoga nghe có vẻ thú vị.

- Question 14:** a. Anna: I'm planning to visit Spain next year.  
b. Tom: Why are you learning Spanish?  
c. Tom: Oh, that's exciting! How are your lessons going so far?  
d. Anna: They're going well. I'm learning a lot about Spanish culture too.  
e. Tom: That sounds fascinating!

(Adapted from *i-Learn Smart World*)

**A.** a – c – e – b – d      **B.** a – b – c – e – d      **C.** b – a – c – d – e      **D.** d – e – a – b – c

Tom: Tại sao bạn lại học tiếng Tây Ban Nha?

Anna: Mình đang dự định đến Tây Ban Nha vào năm tới.

Tom:Ồ, thật thú vị! Các bài học của bạn thế nào rồi?

Anna: Chúng đang diễn ra tốt. Mình cũng học được nhiều về văn hóa Tây Ban Nha nữa.

Tom: Nghe có vẻ hấp dẫn!

**Question 15:** Hi Lisa,

- a. Thanks for inviting me to your birthday party. It was so much fun!  
b. I really enjoyed meeting your friends and spending time with everyone.  
c. Also, the decorations and food were amazing! Did you make the cake yourself?  
d. I'm looking forward to our next gathering. Let me know when you're free.  
e. Hope you had as much fun as I did!

Best,

Mia

(Adapted from *THiNK*)

**A.** a – c – b – e – d      **B.** a – b – c – e – d      **C.** d – e – a – b – c      **D.** e – c – b – d – a

Cảm ơn bạn đã mời mình đến bữa tiệc sinh nhật. Rất vui!

Mình rất thích gặp gỡ bạn bè của bạn và dành thời gian với mọi người.

Ngoài ra, trang trí và đồ ăn đều tuyệt vời! Bạn tự làm bánh à?

Hy vọng bạn cũng vui như mình!

Mình mong chờ lần gặp tiếp theo. Hãy cho mình biết khi nào bạn rảnh nhé.

- Question 16:** a. Arnel didn't make much money this way, but he never gave up on his passion.  
b. In 1982, at the age of fifteen, he joined a local band as a lead singer, singing pop songs by famous bands.  
c. He has been passionate about singing since he was five years old and has achieved great success as a professional singer.  
d. Arnel Pineda was born in Sampaloc, Manila, the Philippines in 1967, and he is an inspiring person.  
e. Arnel's success shows that anyone can achieve their dreams if they try hard enough.

(Adapted from *Bright*)

**A.** d – c – b – a – e      **B.** a – b – c – d – e      **C.** b – c – d – a – e      **D.** c – a – d – b – e

Arnel Pineda sinh ra ở Sampaloc, Manila, Philippines vào năm 1967, và anh ấy là một người truyền cảm hứng.

Anh ấy đã đam mê ca hát từ khi năm tuổi và đã đạt được thành công lớn với tư cách là một ca sĩ chuyên nghiệp.

Năm 1982, khi 15 tuổi, anh tham gia một ban nhạc địa phương với vai trò ca sĩ chính, hát các bài pop của các ban nhạc nổi tiếng.

Arnel không kiếm được nhiều tiền từ công việc này, nhưng anh không bao giờ từ bỏ đam mê của mình.

Thành công của Arnel cho thấy rằng bất kỳ ai cũng có thể đạt được ước mơ nếu cố gắng đủ.



- Question 17:** a. The population of New Orleans had some fluctuation between 1950 and 2010. It had a slight growth between 1950 and 1970.  
b. During this time, Atlanta had the most significant change in population. The population of Atlanta in 1950 was around 500 thousand, and it rose significantly to 2.2 million by 1990.  
c. Similarly, Charlotte's population went up over the 60-year period. It grew steadily from 100 thousand to 500 thousand between 1950 and 1990.  
d. The chart shows how the populations of three major cities in the USA changed from 1950 to 2010. These cities are Atlanta, Charlotte, and New Orleans.  
e. In general, the population in each city increased over the 60-year period.

(Adapted from *i-Learn Smart World*)

- A.** d – b – c – e – a      **B.** d – c – a – b – e      **C.** d – a – e – b – c      **D.** d – e – b – c – a

Biểu đồ cho thấy sự thay đổi dân số của ba thành phố lớn ở Mỹ từ 1950 đến 2010. Các thành phố này là Atlanta, Charlotte và New Orleans.

Nhìn chung, dân số ở mỗi thành phố đều tăng trong khoảng thời gian 60 năm.

Trong thời gian này, Atlanta có sự thay đổi dân số đáng kể nhất. Dân số của Atlanta năm 1950 là khoảng 500 nghìn và tăng mạnh lên 2,2 triệu vào năm 1990.

Tương tự, dân số của Charlotte cũng tăng lên trong suốt 60 năm. Nó tăng đều từ 100 nghìn lên 500 nghìn từ năm 1950 đến 1990.

Dân số của New Orleans có một số biến động từ 1950 đến 2010. Dân số tăng nhẹ từ 1950 đến 1970.

**Read the following passage about humanoid robots and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 18 to 22.**

Technology can exert its power on almost every aspect of our lives, and personal relationships are no exception. We are now becoming more attached to technological devices and less connected to the people around us or even our loved ones (18)\_\_\_\_\_.

We work longer hours on computers, meet fewer friends, text more often, and watch more videos than have a true conversation with friends or family members. Relationships at home and at work (19)\_\_\_\_\_. Social media links us all together, but we mistake them for a perfect replacement for relationships. It is time we realised that the power of connections is built from our own efforts. Choosing to stay technologically connected, (20)\_\_\_\_\_, listening, understanding, and sharing feelings. (21)\_\_\_\_\_.

It is not difficult to balance between connections through technology and those through real interactions. (22)\_\_\_\_\_. We should spend more time visiting our parents and siblings, besides keeping in touch with them on social media. We should learn to cherish the moments we spend with them. It is never too late to strengthen the bonds with school friends and teachers.

(Adapted from *Friends Global*)

**Question 18:** **A.** whose presence we sometimes overlook in favor of online connections

**B.** influence our lives due to a lack of online connections

**C.** are distant from us and require digital connections

**D.** of which presence with our oversight in preference to online connections

A. ĐÚNG: Đại từ quan hệ WHOSE + N chỉ sự sở hữu (Chúng ta hiện đang trở nên gần bó hơn với các thiết bị công nghệ và ít kết nối hơn với những người xung quanh, thậm chí là những người thân yêu của mình, những người mà đôi khi chúng ta bỏ qua **sự hiện diện của họ** để ưu tiên cho các kết nối trực tuyến.)

B. SAI: Câu đã chia động từ chính “are becoming” nên câu B sẽ bị thừa động từ, nếu rút gọn mệnh đề thì cũng chia đúng cấu trúc.

C. SAI: Lỗi sai tương tự như câu B, chưa kể đến sai về nghĩa

D. SAI: OF WHICH được sử dụng như WHOSE, trong trường hợp này phải sau cả 2 sẽ là N + S + V

**Question 19:** A. are enhanced by technology

B. of which technology is enhanced

C. that have technology enhance

D. having been enhanced by technology

A. ĐÚNG: Câu bị động (TOBE + Ved/3) Các mối quan hệ tại gia đình và nơi làm việc **được củng cố** nhờ công nghệ.

B. SAI: Không đúng về nghĩa

C. SAI: Không đúng về nghĩa (mối quan hệ nhờ công nghệ củng cố)

D. SAI: Sai cấu trúc ngữ pháp

**Question 20:** A. a considerable amount of time doing activities together has to be spent

B. doing activities together is very essential for us

C. we have to spend a considerable amount of time doing activities together

D. spending a considerable amount of time doing activities together

A. SAI: “Choosing” cho thấy hiện tượng gián lược mệnh đề cùng chủ ngữ, mà “a considerable amount of time” thì không thể chủ động “choose” được.

B. SAI: Tương tự như câu A

C. ĐÚNG: Chủ ngữ “we” có làm thực hiện hành động “choose” được để có thể gián lược mệnh đề.

D. SAI: Câu không hoàn chỉnh, chưa kể chủ từ không phù hợp để rút gọn mệnh đề.

**Question 21:** A. This helps strengthen our mind and body, keeping us away from isolation and loneliness

B. Strengthening our mind and body, isolation and loneliness keep us from feeling connected

C. We strengthen our mind and body so that they keep us away from isolation and loneliness

D. Without strengthening our mind and body, we can not keep away from isolation and loneliness

A. ĐÚNG: Hợp lý về nghĩa (Khi chọn kết nối với công nghệ, chúng ta cần dành một lượng thời gian đáng kể để cùng tham gia các hoạt động, lắng nghe, thấu hiểu và chia sẻ cảm xúc. Điều này giúp củng cố tinh thần và thể chất của chúng ta, tránh xa sự cô lập và cô đơn.)

B. SAI: Chủ từ V-ing là chủ từ số ít nên động từ “keep” chia chưa đúng, chưa kể nghĩa chưa phù hợp khi nối các câu trước lại (Việc củng cố tinh thần và thể chất giúp chúng ta tránh khỏi cảm giác cô lập và cô đơn, mang lại sự kết nối chặt chẽ hơn.

D. Không hợp lý về nghĩa để kết nối với ý phía trước (Nếu không củng cố tinh thần và thể chất, chúng ta không thể tránh khỏi cảm giác cô lập và cô đơn.)

**Question 22:** A. Improved the bonds, we can start nurturing the relationships within our family

B. We can start by nurturing the relationships within our family

C. Our family can start nurturing the relationships

D. People in our family can nurture the relationships

A. SAI: Nếu rút gọn mệnh đề cùng chủ ngữ ở dạng bị động thì không còn tân ngữ sau động từ.

B. ĐÚNG: Hợp lý và mạch lạc về nghĩa (Không khó để cân bằng giữa các kết nối qua công nghệ và những kết nối thông qua tương tác thực tế. Chúng ta có thể bắt đầu bằng cách nuôi dưỡng các mối quan hệ trong gia đình.)



- C. SAI: Không hợp lí về nghĩa, với ngữ cảnh của bài thì “we” chúng ta mới là người nuôi dưỡng mối quan hệ gia đình
- D. SAI: Tương tự như C

**Read the following passage about coffee and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following questions from 23 to 30.**

Around the world, coffee is grown by about 25 million farmworkers on about 27 million acres of land. That's more than seven percent of Earth's surface! Just in Brazil, the world's largest coffee grower, almost 6.2 billion pounds of coffee are grown each year. In Việt Nam, coffee exports reached approximately 1.78 million tonnes in 2022 alone. Every year, people drink more than 500 billion cups. Businesses in the United States spend about \$5.5 billion to bring coffee into the country, and make more than \$12 billion by selling it. Coffee is big business.

Unfortunately, climate change could be a big **threat** to this business and the people who depend on it. **To grow good coffee, the weather must be just right.** If it is too hot or too cold, or if there is too much or too little rain, the plants might die or the coffee beans might be of poor quality. Climate change is making the world hotter and changing where and how much rain falls. Many regions that have perfect weather for growing coffee now will not be good places to grow coffee in the future. In Brazil, for example, more than half of good coffee land will not be **usable** by the year 2050.

Even worse, an insect called the coffee berry borer beetle, which likes to eat coffee beans, also loves hotter weather. This means that as the climate changes, there will be more of these insects living in more places and more coffee plants will be attacked. In addition, diseases such as coffee rust (a disease that causes the tree to lose its ability to produce berries/beans) become more common when the weather is hotter and wetter.

Coffee is the favorite drink of people all over the world. Unless humans work together to stop climate change and protect coffee, it could become part of our history, not our future.

(Adapted from *Explore New Worlds*)

**Question 23:** Which of the following is NOT mentioned as a factor affecting coffee growth?

- A. Temperature      B. Soil quality      C. Rainfall amount      D. Insect presence

Yếu tố nào sau đây KHÔNG được đề cập là yếu tố ảnh hưởng đến việc trồng cà phê?

- A. Nhiệt độ  
B. Chất lượng đất  
C. Lượng mưa  
D. Sự hiện diện của côn trùng

**Giải thích:** Trong đoạn văn, các yếu tố như nhiệt độ, lượng mưa, và côn trùng có hại được đề cập rõ ràng là ảnh hưởng đến việc trồng cà phê.

*“To grow good coffee, the weather must be just right. If it is too hot or too cold, or if there is too much or too little rain, the plants might die or the coffee beans might be of poor quality.”*

*(Để trồng được cà phê tốt, thời tiết phải phù hợp. Nếu quá nóng hoặc quá lạnh, hoặc nếu có quá nhiều hoặc quá ít mưa, cây có thể chết hoặc hạt cà phê có thể kém chất lượng.)*

**Question 24:** The word **threat** in paragraph 2 is OPPOSITE in meaning to \_\_\_\_\_.

- A. protection      B. danger      C. risk      D. hazard

Từ "threat" trong đoạn 2 có nghĩa TRÁI NGHĨA với \_\_\_\_\_.

- A. bảo vệ  
B. nguy hiểm

- C. rủi ro
- D. mối đe dọa

**Giải thích:** "Threat" có nghĩa là một mối đe dọa hoặc nguy hiểm. Từ trái nghĩa là "protection" (sự bảo vệ).

**Question 25:** The word it in paragraph 1 refers to \_\_\_\_\_.

- A. threat
- B. coffee
- C. the United States
- D. country

Từ "it" trong đoạn 1 đề cập đến \_\_\_\_\_.

- A. mối đe dọa
- B. cà phê
- C. Hoa Kỳ
- D. quốc gia

**Giải thích:** Trong câu này, từ "it" nói về cà phê như là một phần của ngành kinh doanh quan trọng:

*"Coffee is big business. Unfortunately, climate change could be a big threat to this business and the people who depend on it."*

(Cà phê là một ngành kinh doanh lớn. Thật không may, biến đổi khí hậu có thể là một mối đe dọa lớn cho ngành này và những người phụ thuộc vào nó.)

**Question 26:** The word usable in paragraph 2 could best be replaced by \_\_\_\_\_.

- A. valuable
- B. affordable
- C. suitable
- D. accessible

Từ "usable" trong đoạn 2 có thể được thay thế tốt nhất bằng từ nào dưới đây?

- A. có giá trị
- B. có thể mua được
- C. phù hợp
- D. có thể sử dụng

**Giải thích:** "Usable" có nghĩa là có thể sử dụng hoặc phù hợp, tức là thích hợp cho việc trồng trọt.

*"In Brazil, for example, more than half of good coffee land will not be usable by the year 2050."*

(Tại Brazil, ví dụ, hơn một nửa diện tích đất trồng cà phê tốt sẽ không thể sử dụng được vào năm 2050.)

**Question 27:** Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 2?

- A. Coffee grows well only when weather conditions are ideal.
- B. Coffee can thrive in almost any weather condition.
- C. The quality of coffee depends on where it is grown.
- D. Coffee beans grow best in moderate temperatures.

Câu nào sau đây diễn đạt lại câu gạch chân trong đoạn 2 tốt nhất?

- A. Cà phê chỉ phát triển tốt khi điều kiện thời tiết lý tưởng.
- B. Cà phê có thể phát triển trong hầu hết mọi điều kiện thời tiết.
- C. Chất lượng cà phê phụ thuộc vào nơi nó được trồng.
- D. Hạt cà phê phát triển tốt nhất ở nhiệt độ vừa phải.

**Giải thích:** Câu gốc đề cập rằng thời tiết phải "just right" (phù hợp hoàn toàn) để trồng cà phê tốt:

*"To grow good coffee, the weather must be just right."*

(Để trồng được cà phê tốt, thời tiết phải phù hợp.)

**Question 28:** Which of the following is TRUE according to the passage?

- A. In the future, only regions with perfect weather conditions will be suitable for growing coffee.



- B. Vietnam exported approximately 6.2 billion pounds of coffee in 2022.
- C. The United States imports coffee and makes a larger profit from selling it.
- D. Diseases that harm coffee plants are becoming less common due to climate change.

Điều nào sau đây là ĐÚNG theo đoạn văn?

- A. Trong tương lai, chỉ có các vùng có điều kiện thời tiết lý tưởng mới phù hợp để trồng cà phê.
- B. Việt Nam đã xuất khẩu khoảng 6,2 tỷ pound cà phê vào năm 2022.
- C. Hoa Kỳ nhập khẩu cà phê và kiếm lợi nhuận lớn hơn từ việc bán nó.
- D. Các bệnh gây hại cho cây cà phê đang trở nên ít phổ biến hơn do biến đổi khí hậu.

**Giải thích:** Đoạn văn đề cập rằng Hoa Kỳ chi khoảng 5,5 tỷ USD để nhập khẩu cà phê và kiếm hơn 12 tỷ USD từ việc bán nó:

*“Businesses in the United States spend about \$5.5 billion to bring coffee into the country, and make more than \$12 billion by selling it.”*

(Các doanh nghiệp ở Hoa Kỳ chi khoảng 5,5 tỷ USD để nhập khẩu cà phê và kiếm hơn 12 tỷ USD từ việc bán nó.)

**Question 29:** In which paragraph does the writer mention a present causal relationship?

- A. Paragraph 1
- B. Paragraph 2
- C. Paragraph 3
- D. Paragraph 4

Tác giả đề cập đến một mối quan hệ nhân quả hiện tại ở đoạn nào?

- A. Đoạn 1
- B. Đoạn 2
- C. Đoạn 3
- D. Đoạn 4

**Giải thích:** Trong đoạn 3, tác giả nói về mối quan hệ nhân quả giữa biến đổi khí hậu và sự phát triển của côn trùng gây hại cho cà phê:

*“This means that as the climate changes, there will be more of these insects living in more places and more coffee plants will be attacked.”*

(Điều này có nghĩa là khi khí hậu thay đổi, sẽ có nhiều loại côn trùng này sống ở nhiều nơi hơn và nhiều cây cà phê hơn sẽ bị tấn công.)

**Question 30:** In which paragraph does the writer explore the impact of climate change on insect populations?

- A. Paragraph 1
- B. Paragraph 2
- C. Paragraph 3
- D. Paragraph 4

Tác giả thảo luận về tác động của biến đổi khí hậu lên quần thể côn trùng ở đoạn nào?

- A. Đoạn 1
- B. Đoạn 2
- C. Đoạn 3
- D. Đoạn 4

**Giải thích:** Đoạn 3 nói về tác động của biến đổi khí hậu đến quần thể côn trùng, đặc biệt là bọ cánh cứng hại cà phê:

*“Even worse, an insect called the coffee berry borer beetle, which likes to eat coffee beans, also loves hotter weather.”*

(Thậm chí còn tệ hơn, một loại côn trùng gọi là bọ cánh cứng hại cà phê, thích ăn hạt cà phê, cũng ưa thời tiết nóng hơn.)

**Read the following passage about powering and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following questions from 31 to 40.**

As we continue to face the impacts of climate change, having a green environment has become increasingly important to the future of our society. To achieve this, the world is shifting towards green energy, and two particular types of energy at the centre of this movement are solar power and wind power.

[I] Solar power is all about harnessing the energy of the sun by using solar panels to convert sunlight into usable electricity. [II]. Moreover, solar panels are perfect for installation on a small scale, such as in private homes, since **they** require very little maintenance and have a long lifespan. [III] However, the ability to generate solar power depends on the time of day and weather conditions. This means that solar panels are often less useful if they are installed in places where sunny weather is not typical. [IV]

Wind power, on the other hand, involves converting the energy of the wind into electricity using large turbines. **Wind power doesn't produce any greenhouse gases, but it is not ideal for private use since turbines require consistent care.** However, wind farms can be installed on a large scale and are able to produce electricity continuously regardless of the time of day. This means that if there were more investments in wind power, it could be a viable way to provide energy for major cities and even for whole regions.

Wind and solar power contribute significantly to a green environment by reducing our reliance on fossil fuels, helping us cut down on pollution and slow climate change. Additionally, using renewable energy sources helps promote spending on sustainable development by creating new career opportunities in the green energy sector.

For now, the biggest challenge of adopting green energy is the costs associated with installation and infrastructure, but the benefits unquestionably outweigh the downsides. If we want to stop the climate crisis and create a better and more sustainable future, green energy sources will undoubtedly be the key.

(Adapted from *Bright*)

**Question 31:** Where in paragraph 2 does the following sentence best fit?

**This highly efficient form of energy produces zero emissions, so it can significantly reduce our carbon footprint**

A. [I]

B. [II]

C. [III]

D. [IV]

Câu sau phù hợp nhất để đặt ở đâu trong đoạn 2?

"This highly efficient form of energy produces zero emissions, so it can significantly reduce our carbon footprint."

A. [I]

B. [II]

C. [III]

D. [IV]

Năng lượng mặt trời chủ yếu là việc tận dụng năng lượng từ mặt trời bằng cách sử dụng các tấm pin mặt trời để chuyển đổi ánh sáng thành điện năng có thể sử dụng được. **Loại năng lượng hiệu quả cao này không phát thải khí nhà kính, nên có thể giúp giảm đáng kể dấu chân carbon của chúng ta.** Ngoài ra, các tấm pin mặt trời rất lý tưởng để lắp đặt ở quy mô nhỏ, chẳng hạn như trong các hộ gia đình, vì chúng yêu cầu bảo trì rất ít và có tuổi thọ cao. Tuy nhiên, khả năng tạo ra năng lượng mặt trời phụ thuộc vào thời gian trong ngày và điều kiện thời tiết. Điều này có nghĩa là các tấm pin mặt trời thường kém hiệu quả hơn nếu được lắp đặt ở những nơi không có nhiều ánh nắng mặt trời.

**Question 32:** The phrase **shift towards** in paragraph 1 could best be replaced by \_\_\_\_\_.

A. suffer from

B. depend on

C. move away from

D. turn to

Cụm từ "shift towards" trong đoạn 1 có thể được thay thế tốt nhất bằng \_\_\_\_\_.

A. chịu ảnh hưởng từ



- B. phụ thuộc vào
- C. chuyển xa khỏi
- D. chuyển sang

**Giải thích:** "Shift towards" có nghĩa là chuyển đổi hoặc hướng tới một điều mới. Từ đồng nghĩa phù hợp nhất là "turn to" (chuyển sang).

*"To achieve this, the world is shifting towards green energy, and two particular types of energy at the centre of this movement are solar power and wind power."*

(Để đạt được điều này, thế giới đang chuyển sang năng lượng xanh, và hai loại năng lượng chính trong phong trào này là năng lượng mặt trời và năng lượng gió.)

**Question 33:** The word **they** in paragraph 2 refers to \_\_\_\_\_.

- A. weather conditions
- B. solar panels
- C. private homes
- D. emissions

Từ "they" trong đoạn 2 đề cập đến \_\_\_\_\_.

- A. các điều kiện thời tiết
- B. các tấm pin mặt trời
- C. nhà riêng
- D. khí thải

**Giải thích:** Từ "they" trong ngữ cảnh này đề cập đến các tấm pin mặt trời, được nhắc đến trong câu trước đó, nói rằng chúng cần ít bảo trì và có tuổi thọ cao, phù hợp với quy mô nhỏ như nhà riêng.

*"Moreover, solar panels are perfect for installation on a small scale, such as in private homes, since they require very little maintenance and have a long lifespan."*

(Ngoài ra, các tấm pin mặt trời rất lý tưởng để lắp đặt ở quy mô nhỏ, như trong nhà riêng, vì chúng yêu cầu bảo trì rất ít và có tuổi thọ cao.)

**Question 34:** According to paragraph 2, which of the following is NOT an advantage of solar power?

- A. It produces zero emissions.
- B. It has a long lifespan.
- C. It is effective regardless of weather conditions.
- D. It requires little maintenance.

Theo đoạn 2, điều nào sau đây KHÔNG phải là lợi ích của năng lượng mặt trời?

- A. Nó không phát thải khí nhà kính.
- B. Nó có tuổi thọ cao.
- C. Nó hiệu quả bất kể điều kiện thời tiết.
- D. Nó yêu cầu ít bảo trì.

**Giải thích:** Đoạn văn nhấn mạnh rằng việc sản xuất năng lượng mặt trời phụ thuộc vào điều kiện thời tiết và thời gian trong ngày, vì vậy nó không phải là một lợi ích khi không bị ảnh hưởng bởi thời tiết.

*"However, the ability to generate solar power depends on the time of day and weather conditions."*

(Tuy nhiên, khả năng tạo ra năng lượng mặt trời phụ thuộc vào thời gian trong ngày và điều kiện thời tiết.)

**Question 35:** Which of the following best summarises paragraph 3?

- A. Wind power is an ideal energy source for both private homes and large cities.
- B. Wind power can continuously produce energy on a large scale.
- C. Wind power generates energy without any need for infrastructure.
- D. Wind power depends heavily on time and weather conditions.

Ý nào sau đây tóm tắt tốt nhất đoạn 3?

- A. Năng lượng gió là nguồn năng lượng lý tưởng cho cả nhà riêng và các thành phố lớn.
- B. Năng lượng gió có thể sản xuất năng lượng liên tục trên quy mô lớn.

- C. Năng lượng gió tạo ra năng lượng mà không cần cơ sở hạ tầng.  
D. Năng lượng gió phụ thuộc nhiều vào thời gian và điều kiện thời tiết.

**Giải thích:** Đoạn văn nói về khả năng sản xuất năng lượng liên tục của các trang trại gió bất kể thời gian trong ngày, trên quy mô lớn, thích hợp để cung cấp năng lượng cho các thành phố lớn.

*"Wind farms can be installed on a large scale and are able to produce electricity continuously regardless of the time of day."*

(Các trang trại gió có thể được lắp đặt trên quy mô lớn và có khả năng sản xuất điện liên tục bất kể thời gian trong ngày.)

**Question 36:** The word **viable** in paragraph 3 is OPPOSITE in meaning to \_\_\_\_\_.

- A. practical                      B. ideal                      C. unfeasible                      D. delectable

Từ "viable" trong đoạn 3 có nghĩa TRÁI NGHĨA với \_\_\_\_\_.

- A. thực tế  
B. lý tưởng  
C. không khả thi  
D. ngon miệng

**Giải thích:** "Viable" nghĩa là khả thi hoặc có thể thực hiện được, nên từ trái nghĩa phù hợp nhất là "unfeasible" (không khả thi).

*"If there were more investments in wind power, it could be a viable way to provide energy for major cities and even for whole regions."*

(Nếu có nhiều đầu tư hơn vào năng lượng gió, nó có thể là một cách khả thi để cung cấp năng lượng cho các thành phố lớn và thậm chí là cho cả vùng.)

**Question 37:** Which of the following is TRUE according to the passage?

- A. Solar panels are more effective in areas with frequent cloudy weather.  
B. Wind power is ideal for private households due to easy maintenance.  
C. Both wind and solar power help reduce pollution and combat climate change.  
D. Green energy sources are currently more cost-effective than fossil fuels.

Điều nào sau đây là ĐÚNG theo đoạn văn?

- A. Các tấm pin mặt trời hiệu quả hơn ở các khu vực thường xuyên có mây.  
B. Năng lượng gió là lý tưởng cho các hộ gia đình do dễ bảo trì.  
C. Cả năng lượng gió và mặt trời đều giúp giảm ô nhiễm và chống biến đổi khí hậu.  
D. Các nguồn năng lượng xanh hiện tại chỉ phí thấp hơn nhiên liệu hóa thạch.

**Giải thích:** Đoạn văn đề cập rằng cả hai nguồn năng lượng đều giúp giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch, từ đó giúp giảm ô nhiễm và làm chậm biến đổi khí hậu.

*"Wind and solar power contribute significantly to a green environment by reducing our reliance on fossil fuels, helping us cut down on pollution and slow climate change."*

(Năng lượng gió và mặt trời đóng góp đáng kể cho môi trường xanh bằng cách giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch, giúp chúng ta giảm ô nhiễm và làm chậm biến đổi khí hậu.)

**Question 38:** Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 3?

- A. Wind power is environmentally friendly and convenient for households.  
B. Wind power is sustainable but not suitable for private homes due to maintenance needs.  
C. Wind turbines are easy to maintain and therefore ideal for private use.  
D. Wind power requires high maintenance and generates greenhouse gases.



Câu nào sau đây diễn đạt lại câu gạch chân trong đoạn 3 tốt nhất?

- A. Năng lượng gió thân thiện với môi trường và thuận tiện cho các hộ gia đình.
- B. Năng lượng gió bền vững nhưng không phù hợp cho các hộ gia đình do yêu cầu bảo trì.
- C. Các tua-bin gió dễ bảo trì và do đó lý tưởng cho việc sử dụng tại nhà.
- D. Năng lượng gió cần bảo trì cao và tạo ra khí nhà kính.

**Giải thích:** Đoạn văn nêu rằng năng lượng gió không phù hợp cho các hộ gia đình vì các tua-bin cần được bảo trì thường xuyên.

*“Wind power doesn’t produce any greenhouse gases, but it is not ideal for private use since turbines require consistent care.”*

*(Năng lượng gió không phát thải khí nhà kính, nhưng nó không lý tưởng cho việc sử dụng cá nhân vì các tua-bin cần được bảo trì thường xuyên.)*

**Question 39:** Which of the following can be inferred from the passage?

- A. The use of fossil fuels is likely to increase due to the challenges of green energy.
- B. Wind power is expected to become the main energy source for private homes in the future.
- C. Expanding renewable energy can create more jobs in the green energy sector.
- D. Solar panels are only effective in large-scale industrial settings.

Điều nào sau đây có thể được suy ra từ đoạn văn?

- A. Việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch có khả năng tăng lên do các thách thức của năng lượng xanh.
- B. Năng lượng gió dự kiến sẽ trở thành nguồn năng lượng chính cho các hộ gia đình trong tương lai.
- C. Việc mở rộng năng lượng tái tạo có thể tạo thêm nhiều việc làm trong lĩnh vực năng lượng xanh.
- D. Các tấm pin mặt trời chỉ hiệu quả trong các cơ sở công nghiệp quy mô lớn.

**Giải thích:** Đoạn văn đề cập rằng sử dụng năng lượng tái tạo không chỉ bảo vệ môi trường mà còn tạo cơ hội việc làm mới.

*“Additionally, using renewable energy sources helps promote spending on sustainable development by creating new career opportunities in the green energy sector.”*

*(Ngoài ra, việc sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo giúp thúc đẩy chi tiêu cho phát triển bền vững bằng cách tạo ra các cơ hội việc làm mới trong lĩnh vực năng lượng xanh.)*

**Question 40:** Which of the following best summarises the passage?

- A. Green energy sources like solar and wind power are essential for sustainable development and addressing climate change, despite some challenges in implementation.
- B. Despite their potential, solar and wind power are not reliable enough and may not be widely adopted in the future due to limitations.
- C. Wind power is a more suitable option for private use, while solar power can effectively support energy needs in large cities and urban areas.
- D. The high cost associated with green energy sources makes them an impractical solution for addressing the ongoing climate crisis.

Câu nào sau đây tóm tắt bài đọc phù hợp nhất?

- A. Các nguồn năng lượng xanh như năng lượng mặt trời và gió là cần thiết cho phát triển bền vững và giải quyết biến đổi khí hậu, mặc dù gặp phải một số thách thức trong việc triển khai.
- B. Mặc dù có tiềm năng, năng lượng mặt trời và gió không đủ đáng tin cậy và có thể không được áp dụng rộng rãi trong tương lai do các hạn chế.

C. Năng lượng gió là lựa chọn phù hợp hơn cho sử dụng tại nhà, trong khi năng lượng mặt trời có thể hỗ trợ hiệu quả nhu cầu năng lượng cho các thành phố lớn và khu đô thị.

D. Chi phí cao liên quan đến các nguồn năng lượng xanh khiến chúng trở thành giải pháp không thực tế để giải quyết cuộc khủng hoảng khí hậu hiện nay.

**Giải thích:** Bài đọc tập trung vào tầm quan trọng của năng lượng xanh trong việc giải quyết biến đổi khí hậu và phát triển bền vững, dù có những thách thức về chi phí.

*“For now, the biggest challenge of adopting green energy is the costs associated with installation and infrastructure, but the benefits unquestionably outweigh the downsides.”*

*(Hiện tại, thách thức lớn nhất của việc áp dụng năng lượng xanh là chi phí liên quan đến lắp đặt và cơ sở hạ tầng, nhưng những lợi ích chắc chắn vượt trội so với những bất lợi.)*

----- THE END -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;

- Giám thị không giải thích gì thêm.